

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 3, 5

Giấy, bút.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, ghi cách làm rồi tự kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi số đo hoặc kết quả đã quan sát và phần được hỗ trợ; không chép kết quả trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện, đơn vị và quan hệ toán học. Để trẻ thử và tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 Nhận toàn thể và các phần trên biểu đồ quạt tròn

Mục tiêu Nhận toàn bộ vòng tròn là một tổng và các phần là các nhóm không trùng nhau.

Ví dụ Một biểu đồ có các phần 60% và 40% biểu diễn đủ một tổng 100%; mỗi phần nói về một nhóm thuộc cùng tổng.

Bản in hoặc màn hình, giấy, bút.

Đề Câu 1 Đọc biểu đồ: nhóm Giấy chiếm bao nhiêu phần trăm của tổng?

Câu 1 · tr. 01 50%.

Câu 2 · tr. 02 Có; mỗi nhóm 25%.

Câu 3 · tr. 02 $50\% + 25\% + 25\% = 100\%$.

Câu 4 · tr. 02 Không theo cách chia phần của một tổng ở đây; các nhóm phải không trùng và cùng tạo thành toàn bộ số vật đang xét.

LT1 · tr. 02 $50 + 30 + 20 = 100\%$. Các nhóm không trùng nhau và bao gồm đủ mọi đối tượng của tổng đang xét.

LT2 · tr. 02 B và C có cùng tỉ phần 25%; A với B gộp lại chiếm $50\% + 25\% = 75\%$ của cùng tổng.

Bài 2 · tr. 03 Đọc nhãn và tỉ lệ phần trăm của các phần

Mục tiêu Đọc nhãn, phần trăm và so sánh các phần trong biểu đồ quạt tròn.

Bản in hoặc màn hình, giấy, bút; dữ liệu là giả định.

Câu 1 · tr. 03 40%.

Câu 2 · tr. 03 Đi bộ lớn nhất 40%; Xe buýt nhỏ nhất 25%.

Câu 3 · tr. 04 $40 - 25 = 15$ điểm phần trăm.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 4 · tiếp tục

Câu 4 · tr. 04 Nhãn phải đi cùng phần màu/số đúng dữ liệu; đổi nhãn làm gán sai tỉ phần của từng nhóm.

Bài 3 · tr. 04 **Mô tả số liệu từ biểu đồ hình quạt tròn**

Mục tiêu Từ tỉ phần và tổng số đã biết, mô tả số lượng từng nhóm.

Ví dụ Nếu một nhóm 24 vật có 25% màu xanh thì có $24 \times 25 : 100 = 6$ vật xanh. Cần biết tổng trước khi tìm số lượng.

Câu 1 · tr. 04 A: 20; B: 12; C: 8; tổng 40.

LT1 · tr. 05 $50 \times 20 : 100 = 10$ vật bằng giấy.

Câu 2 · tr. 05 $60 \times 25 : 100 = 15$ bạn.

Câu 3 · tr. 05 Không; 30% của những tổng khác nhau cho số lượng khác nhau, cần tổng hoặc dữ kiện tương đương.

Câu 4 · tr. 05 Trong 40 vật giả định, nhóm B có 12 vật, chiếm 30% tổng số vật.

LT2 · tr. 05 A có 20 vật, B có 40 vật. C còn $80 - 20 - 40 = 20$ vật; kiểm tổng 80.

Bài 4 · tr. 06 **Điền số liệu vào biểu đồ quạt tròn có sẵn**

Mục tiêu Điền số vào khung quạt tròn được chia sẵn từ dữ kiện bảng, không vẽ góc.

Ví dụ Bảng giả định có A: 12, B: 8, tổng 20 thì tỉ phần là 60% và 40%. Dùng số liệu để điền nhãn của khung phù hợp đã có, không tự vẽ góc.

Bản in khung quạt tròn, bút; không cần thước đo góc.

Câu 1 · tr. 06 A: $10 : 20 \times 100 = 50\%$.

Câu 2 · tr. 06 B: 30%; C: 20%.

LT1 · tr. 06 $5 : 20 \times 100\% = 25\%$.

Câu 3 · tr. 07 $50\% + 30\% + 20\% = 100\%$.

Câu 4 · tr. 07 Giữ các phần của khung đã chuẩn bị đúng dữ liệu, tính và điền số ở đúng nhóm; không yêu cầu tự dựng hoặc đo góc.

Bài 5 · tr. 07 **Kiểm tổng các phần và cách ghép nhãn với số liệu**

Mục tiêu Kiểm tổng phần trăm và ghép đúng nhãn với số liệu.

Câu 1 · tr. 07 Tổng 105%, không phù hợp; phải kiểm lại số liệu hoặc cách tính, không tùy xóa bớt một phần.

LT1 · tr. 07 $40 + 35 + 30 = 105\%$, không khớp 100%. Cần rà lại; tổng sai chưa cho biết riêng nhóm nào sai.

Câu 2 · tr. 08 Đi bộ: 8; Xe đạp: 7; Xe buýt: 5; tổng 20.

Câu 3 · tr. 08 Chưa; phải kiểm cả nhãn-phần trăm với dữ liệu gốc.

Câu 4 · tr. 08 Không; phải giữ 0%, không tạo số liệu khác để làm đẹp hình. Có thể ghi nhóm 0% trong chú giải dù không có phần mặt có diện tích dương.

LT2 · tr. 08 Chưa; có thể gán nhầm nhãn cho các phần mà tổng vẫn 100%.